

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN**
Số: 62/2001/TT-BNN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 6 năm 2001

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp theo
Quyết định 46/2001/QĐ- TTg ngày 4/4/ 2001 của Thủ tướng Chính phủ
về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 -2005**

*Thi hành Điều 3 và Điều 4 Quyết định 46/2001/QĐ- TTg ngày 4/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về
quản lý xuất, nhập khẩu hàng hoá thời kỳ 2001 -2005, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn
việc xuất khẩu, nhập khẩu các loại hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp.*

Chương I. Quy định chung.

1. Thông tư này áp dụng đối với việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp, gồm:

Xuất khẩu gỗ, sản phẩm gỗ;

Xuất khẩu động vật hoang dã, động vật quý hiếm, thực vật rừng quý hiếm;

Xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng, giống vật nuôi;

Nhập khẩu thuốc thú y, nguyên liệu sản xuất thuốc thú y và các chế phẩm sinh học dùng trong thú y;

Nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật, nguyên liệu sản xuất thuốc bảo vệ thực vật và côn trùng các loại;

Nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi;

Nhập khẩu phân bón và các chế phẩm phân bón;

Xuất khẩu, nhập khẩu nguồn gen cây trồng, vật nuôi, vi sinh vật phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật.

2. Hàng hoá thuộc đối tượng kiểm dịch động vật, kiểm dịch thực vật thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Các doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu khai báo khi nhập khẩu, xuất khẩu và chịu trách nhiệm với người sử dụng về chất lượng hàng nhập khẩu theo pháp luật hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Chương II. Quy định cụ thể.

1. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ.

1.1- Gỗ, sản phẩm gỗ từ rừng tự nhiên trong nước cấm xuất khẩu, gồm:

Gỗ tròn các loại;

Gỗ xẻ các loại;

Sản phẩm gỗ quý hiếm từ rừng tự nhiên trong nước thuộc nhóm IA qui định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);

Củi, than làm từ gỗ hoặc từ củi có nguồn gốc từ rừng tự nhiên trong nước;

Các loại gỗ có tên trong Danh mục động, thực vật hoang dã cấm buôn bán quốc tế của Công ước về buôn bán quốc tế các loại động vật, thực vật hoang dã có nguy cơ bị tuyệt chủng (sau đây gọi tắt là CITES).

1.2- Các sản phẩm gỗ xuất khẩu theo giấy phép hoặc theo điều kiện:

a. Đối với gỗ có tên trong Danh mục động vật, thực vật hoang dã xuất khẩu có điều kiện (phụ lục II của CITES), khi xuất khẩu phải có giấy phép của Văn phòng CITES Việt Nam;

b. Sản phẩm gỗ quý hiếm thuộc nhóm IIA quy định tại Nghị định 18/HĐBT ngày 17/1/1992 chỉ được phép xuất khẩu ở dạng hàng mỹ nghệ và đồ gỗ cao cấp, khi xuất khẩu doanh nghiệp phải có giấy phép của Chi cục Kiểm lâm sở tại.

1.3- Các sản phẩm được xuất khẩu không hạn chế số lượng và giá trị:

Tất cả các sản phẩm làm từ các loại gỗ không quy định tại khoản 1.1, khoản 1.2 và các sản phẩm từ rừng trồng (trừ gỗ tròn, gỗ xẻ) đều được phép xuất khẩu không hạn chế về số lượng và giá trị; khi xuất khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu.

1.4- Gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc từ rừng trồng và từ nhập khẩu:

a. Đối với gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc từ rừng trồng:

Đối với gỗ tròn, gỗ xẻ các loại có nguồn gốc từ rừng trồng, doanh nghiệp được xuất khẩu không hạn chế về số lượng và giá trị; khi xuất khẩu doanh nghiệp chỉ phải làm thủ tục hải quan tại cửa khẩu và xuất trình biên bản xác nhận của Hạt kiểm lâm nơi khai thác;

b. Đối với gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc nhập khẩu:

Trường hợp doanh nghiệp nhập khẩu để sản xuất kinh doanh nhưng không sử dụng mà tái xuất, khi làm thủ tục xuất khẩu doanh nghiệp chỉ cần xuất trình tờ khai hải quan nhập khẩu được Hải quan cửa khẩu nhập cấp theo quy định hiện hành;

Trường hợp doanh nghiệp uỷ thác nhập khẩu gỗ qua doanh nghiệp khác thì khi xuất khẩu phải có hợp đồng uỷ thác và bản sao tờ khai hải quan nhập khẩu do doanh nghiệp nhận uỷ thác xác nhận;

Trường hợp doanh nghiệp xuất khẩu mua lại của doanh nghiệp nhập khẩu để tái xuất thì khi làm thủ tục xuất khẩu phải có:

Hợp đồng mua, bán giữa hai đơn vị;

Bản sao tờ khai Hải quan nhập khẩu do Hạt Kiểm lâm nơi doanh nghiệp bán xác nhận, đã trừ lùi khối lượng bán trên bản sao;

Trường hợp gỗ cắt ngắn hoặc xẻ ra từ gỗ tròn nhập khẩu cần có biên bản xác nhận của Hạt kiểm lâm sở tại và có dấu búa kiểm lâm Việt Nam trên gỗ;

Tất cả gỗ tròn, gỗ xẻ có nguồn gốc nhập khẩu phải có dấu búa của nước xuất khẩu (nếu nước xuất khẩu không có dấu búa thì đóng búa kiểm lâm của Việt Nam theo qui định và mẫu búa riêng).

2. Xuất khẩu động vật hoang dã, động vật quý hiếm và thực vật rừng quý hiếm.

2.1- Cấm xuất khẩu vì mục đích thương mại các loài động vật hoang dã và thực vật rừng quý hiếm sau đây:

- a. Các loài động vật rừng, thực vật rừng quý hiếm đã được quy định tại Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);
- b. Các loài động vật hoang dã thông thường, khai thác, đánh bắt trực tiếp từ tự nhiên theo qui định trong Chỉ thị số 359/TTg ngày 29/5/1996 của Thủ tướng Chính phủ;
- c. Các loài động vật, thực vật hoang dã có tại Việt Nam và có tên trong Phụ lục I của CITES;
- d. Các loài động vật hoang dã là thiên địch của chuột theo Chỉ thị số 9/1998/CT-TTg ngày 18/2/1998 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 140/2000/QĐ-BNN-KL ngày 21/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc công bố Danh mục một số loài động vật hoang dã là thiên địch của chuột;
- đ. Tinh dầu trầm (giò bầu) và tinh dầu xá xị theo Quyết định số 45/1999/QĐ-BNN-KL ngày 2/3/1999 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2.2- Các loài động vật hoang dã, động vật quý hiếm và thực vật rừng quý hiếm được xuất khẩu khi có những điều kiện như sau:

- a. Đối với các loài động vật hoang dã, thực vật rừng quý hiếm đã được quy định tại các điểm a và c của khoản 2.1 khi xuất khẩu vì mục đích nghiên cứu khoa học hoặc hợp tác quốc tế phải được Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn cho phép; riêng đối với những loài thuộc nhóm I của Nghị định số 18/HĐBT ngày 17/1/1992 phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép;
- b. Đối với các loài động vật hoang dã, thực vật rừng quý hiếm đã được quy định tại các điểm a, b và d của khoản 2.1 do gây nuôi, nhân giống phát triển tại trại hoặc hộ gia đình, được xuất khẩu sản phẩm từ thể hệ